

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: CALCIUM CARBIDE

## MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Calcium carbide
- Công thức phân tử:** CaC<sub>2</sub>
- CAS:** 75-20-7
- Tên khác:** Carbure de calcium
- Sử dụng:** Sản xuất acetylene (C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>), dung môi công nghiệp, hóa chất tổng hợp
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi  
Mã số thuế: 0314051291  
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

## MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

### Phân loại theo GHS:

Nguy cơ	Mã GHS	Mô tả
Hóa chất phản ứng với nước, sinh khí dễ cháy	Ox. Sol. 2 – H272	Tăng cường cháy khi gặp nước
Ăn mòn / bỏng da và mắt	Skin Corr. 1B – H314	Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt
Nguy hiểm với mắt	Eye Dam. 1 – H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
Nguy cơ môi trường	Aquatic Acute 1 – H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh

### Biểu tượng GHS chính xác:

- Oxy hóa
- Ăn mòn / Bỏng
- Độc môi trường

### Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H272: Có thể tăng cường cháy; chất oxy hóa.
- H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.
- H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- H400: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

### Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh xa lửa, tia lửa, nguồn nhiệt.
- P220: Tránh tiếp xúc với vật dễ cháy.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ.
- P305+P351+P338: Nếu dính mắt, rửa ngay bằng nước trong ít nhất 15 phút.
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương.

## MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Calcium carbide (CaC <sub>2</sub> )	75-20-7	≥ 95%

## MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần, gọi cấp cứu.
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng nhiều nước ít nhất 15 phút, cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

- **Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay bằng nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.
- **Nuốt phải:** Không gây nôn, đưa đến cơ sở y tế.

**Triệu chứng:** Bỏng da, tổn thương mắt, khó thở nếu hít phải khí acetylene.

---

#### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** Bột khô, cát; KHÔNG dùng nước trực tiếp.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Khi tiếp xúc với nước, sinh khí acetylene dễ cháy và nổ.
- **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay chống hóa chất, quần áo chống cháy.

---

#### MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ đầy đủ.
- **Biện pháp môi trường:** Ngăn không để rơi vào nước, đất.
- **Thu gom:** Dùng cát hoặc vật liệu khô, cho vào thùng kín, dán nhãn.

---

#### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Sản xuất acetylene, hóa chất tổng hợp.
- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, bình kín, tránh nước và nguồn nhiệt.
- **Không tương thích:** Nước, axit, chất oxi hóa mạnh.

---

#### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Trang bị bảo hộ:**
  - Mắt: Kính bảo hộ kín
  - Da: Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
  - Hô hấp: Mặt nạ lọc bụi/hơi độc

---

#### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Rắn, tinh thể, màu xám đến nâu nhạt
Mùi	Không đặc trưng, phát khí acetylene khi gặp nước
Nhiệt độ nóng chảy	2.113°C (phân hủy)
Độ tan trong nước	Phản ứng với nước sinh khí C <sub>2</sub> H <sub>2</sub>
pH dung dịch bão hòa	> 12

---

#### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định khi khô, tránh nước.
- **Điều kiện tránh:** Nước, axit, nguồn nhiệt.
- **Chất không tương thích:** Nước, axit mạnh, oxi hóa mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Acetylene (C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>), calcium hydroxide (Ca(OH)<sub>2</sub>).

---

#### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD<sub>50</sub> (chuột, uống):** 200–300 mg/kg (ước tính do phản ứng với nước)
- **Tác hại:** Gây bỏng da, tổn thương mắt, hít phải khí acetylene có thể gây khó thở hoặc nguy hiểm.

---

#### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Nguy hiểm cho sinh vật thủy sinh khi tiếp xúc trực tiếp với CaC<sub>2</sub> trong nước.
- **Phân hủy sinh học:** Không phân hủy trong tự nhiên (rắn).

---

#### MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom bằng vật liệu khô, cho vào thùng kín, dán nhãn.
- Xử lý theo quy định chất thải nguy hại, không đổ vào nước.

---

#### **MỤC 14: VẬN CHUYỂN**

- **UN Number:** 1402
- **Loại nguy hiểm:** 4.3 (Chất rắn nguy hiểm khi tiếp xúc nước)
- **Nhãn nguy hiểm:** Oxy hóa (GHS03), Ăn mòn (GHS05), Môi trường (GHS09)

---

#### **MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ**

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012**, **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.

---

#### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày phát hành SDS:** 15/10/2025
- **Tham khảo:** Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book, PubChem CID 15131.
- Ghi chú:

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế